

# ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỐNG KÊ CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI qua kết quả khảo sát năng lực công tác thống kê

TS. Phạm Đăng Quyết

**Đ**ánh giá năng lực là hàng loạt động tác đảm bảo để đánh giá năng lực hiện tại của một cá nhân hay một tổ chức/thực thể thực hiện các chức năng chủ yếu và thực hiện các kết quả mong đợi. Do đó, đánh giá năng lực liên kết năng lực tiềm tàng với việc thực hiện. Đánh giá năng lực là một phần trọn vẹn và không thể thiếu của bất kỳ quá trình phát triển năng lực. Năng lực thống kê chính là năng lực của tổ chức thống kê hay của các cá nhân làm công tác thống kê thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả, chắc chắn với một kết quả có chất lượng tốt.

Hiện nay có một số khung đánh giá năng lực thống kê được phát triển bởi Hiệp hội về Thống kê đối với sự Phát triển trong Thế kỷ 21 (PARIS21), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ủy ban Kinh tế Châu Phi (ECA). Các khung đánh giá này đưa ra các công cụ chung để đánh giá năng lực thống kê. Tuy nhiên chúng không bao gồm các chỉ tiêu cụ thể về tất cả các lĩnh vực được sử dụng để đánh giá và giám sát thường xuyên tính hiệu quả của các hoạt động xây dựng năng lực thống kê.

Để xác định các lĩnh vực được giám sát và các yếu tố chủ yếu thuộc mỗi lĩnh vực, những người đứng đầu cơ quan thống kê quốc gia và khu vực ở Châu Phi (Ủy ban Kinh tế Châu Phi ECA, Thống kê Châu Phi Afristat và Ủy ban Phát triển Nam Phi SADC) đã đứng ra tổ chức các cuộc hội đàm và xác định được 15 phạm vi giám sát năng lực thống kê như sau:

1. Thực hiện chức năng của hệ thống thống kê. Hệ thống thống kê bao gồm tất cả các cơ quan trong nước sản xuất số liệu thống kê chính thức, trong đó

có cơ quan Thống kê quốc gia, Thống kê của các bộ ngành. Trong hệ thống có tính đến khả năng lãnh đạo và phối hợp, sự tư vấn, đối thoại giữa các nhóm sản xuất và sử dụng thống kê khác nhau.

2. Thi hành khuôn khổ pháp lý thống kê. Khuôn khổ pháp lý thống kê bao gồm luật thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau theo tính chất toàn diện và việc cập nhật, sửa chữa bổ sung.

3. Xây dựng và thực hiện các chiến lược đối với sự phát triển thống kê và các kế hoạch tổng thể. Có hay không các chiến lược, kế hoạch, thời gian và quy mô thực hiện. Các kế hoạch chiến lược tổng thể cung cấp cơ hội cho việc xây dựng năng lực thống kê.

4. Các lĩnh vực thống kê được bao trùm trong hệ thống thống kê/cơ quan thống kê. Đa số số liệu thống kê được sản xuất theo phạm vi có thể bao gồm các lĩnh vực thống kê kinh tế, dân số, xã hội và môi trường. Chúng có thể cần bao trùm các phạm vi lĩnh vực riêng biệt khác và tính định kỳ thường xuyên của việc sản xuất số liệu cũng như chất lượng của các sản phẩm thống kê.

5. Tình trạng cơ sở hạ tầng thống kê. Để sản xuất được số liệu thống kê đầy đủ và có chất lượng tốt cần thiết phải có cơ sở hạ tầng thống kê có thể thực hiện được. Đó là có sẵn dàn mẫu và danh sách đăng ký kinh doanh tốt và toàn diện, cơ sở hạ tầng vật chất/trang thiết bị văn phòng thích hợp, kết nối internet và intranet.

6. Tính sẵn sàng và việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Công nghệ thông tin và truyền thông được xem là một phần không thể thiếu đối với sự phát triển thống kê, nó là cần thiết

để nhập các số liệu vào máy tính, được sử dụng để thu thập, xử lý, lưu trữ và phổ biến dữ liệu trên máy tính, internet và trong mạng nội bộ.

7. Các hoạt động thu thập dữ liệu. Số liệu thống kê được thu thập thông qua nhiều nguồn khác nhau. Điều quan trọng là phải biết nguồn nào được sử dụng và hệ thống thu thập dữ liệu toàn diện đến đâu. Cần nhấn mạnh rằng hầu hết các nguồn dữ liệu là bổ sung cho nhau. Có những cuộc/chương trình/hệ thống điều tra nào được tiến hành, tính chu kỳ như thế nào?

8. Xuất bản số liệu thống kê và tính chất kịp thời của các ấn phẩm. Số lượng các ấn phẩm mà cơ quan thống kê sản xuất; danh mục các ấn phẩm theo chủ đề, tính định kỳ, ngày phát hành số liệu.

9. Các nguồn tài chính và nhân lực. Các nguồn lực đầy đủ là điều quyết định tới thành công của các chương trình thống kê. Việc tăng ngân sách là một tín hiệu cho tính sẵn sàng của các nguồn lực không làm kìm hãm các hoạt động thống kê. Việc tăng số lượng cán bộ chuyên môn là một chỉ tiêu tích cực cho việc nâng cao năng lực thống kê và là sự trả lời tốt cho việc tăng nhu cầu và việc sử dụng số liệu thống kê.

10. Sự hiện diện của tổ chức thực địa. Một số cơ quan thống kê có các tổ chức thực địa cố định với cán bộ được chuyên môn hoá trong việc thu thập dữ liệu thông qua các cuộc điều tra và tổng điều tra. Sự hiện diện của tổ chức thực địa trên cơ sở liên tục thường xuyên hơn là không thường xuyên bảo đảm duy trì sự thành thạo nghiệp vụ. Cần duy trì bộ phận nghiên cứu phương pháp luận tại cơ quan trung ương để giám sát các hoạt động của tổ chức thực địa.

11. Mức độ tư vấn. Không thể không nhấn mạnh vai trò của tư vấn trong việc nâng cao nhận thức về việc sử dụng và tính hữu ích của số liệu thống kê. Tư vấn có thể khuyến khích việc đầu tư vào sản xuất số liệu thống kê và khuyến khích các nhà lập chính sách và các nhà sử dụng khác sử

dụng chính xác số liệu thống kê.

12. Tính toàn vẹn của số liệu thống kê. Áp dụng các chuẩn quốc tế, tính khách quan trong việc phát hành số liệu, siêu dữ liệu có sẵn đối với tất cả các chuỗi số liệu (định rõ nguồn, phương pháp, quy trình, chất lượng v.v....).

13. Hiệu quả phổ biến số liệu thống kê. Giá trị thống kê có thể được đề cao nếu như chúng được phổ biến rộng rãi. Chính sách phổ biến số liệu, định dạng sách phổ biến và phương tiện truyền thông.

14. Sự sẵn có và sử dụng các trường đào tạo thống kê. Cán bộ có chuyên môn tốt, với số lượng đủ là một tài sản quý của bất cứ cơ quan thống kê nào. Do đó điều cấp thiết là thường xuyên đánh giá tình hình cán bộ được đào tạo để làm thước đo đánh giá năng lực thống kê.

15. Trợ giúp kỹ thuật. Trợ giúp kỹ thuật mang tính hai mặt. Càng có nhiều chuyên gia trợ giúp kỹ thuật thì năng lực thống kê càng tốt hơn ngay lập tức. Tuy nhiên, về lâu dài, nó biểu lộ sự yếu kém của hệ thống vì tình trạng năng lực thống kê có thể chuyển sang hội chứng phụ thuộc.

Năm 2008 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiến hành một cuộc khảo sát năng lực công tác thống kê đối với các Cục, Vụ trực thuộc Bộ và đối với các Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trong cả nước. Nội dung đánh giá năng lực thống kê của các đơn vị được xác định theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:

1. Nhóm chỉ tiêu về khuôn khổ pháp lý thống kê bao gồm các chỉ tiêu phản ánh về văn bản quy phạm pháp luật, về phạm vi, lĩnh vực thống kê bao trùm, về trách nhiệm thống kê của các bộ phận trong cơ quan.

2. Nhóm chỉ tiêu về nguồn nhân lực bao gồm các chỉ tiêu đánh giá về số lượng và chất lượng cán bộ làm công tác thống kê, về sự bố trí cán bộ làm công tác thống kê.

3. Nhóm chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng, trang thiết

bị và tiện nghi hỗ trợ công tác thống kê bao gồm các chỉ tiêu về số lượng máy tính được trang bị, mạng máy tính, số lượng và chất lượng các trang thiết bị công nghệ thông tin của cơ quan.

4. Nhóm chỉ tiêu về nguồn tài chính bao gồm các chỉ tiêu về tổng số tiền chi cho hoạt động thống kê, sự đáp ứng của ngân sách đối với nhu cầu hoạt động thống kê.

5. Nhóm chỉ tiêu về thu thập số liệu thống kê bao gồm các chỉ tiêu về nguồn số liệu, chỉ tiêu đánh giá chất lượng số liệu thống kê.

6. Và các câu hỏi điểm mạnh, điểm yếu về năng lực công tác thống kê của cơ quan trên góc độ: lãnh đạo, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, tổ chức và thể chế của cơ quan.

Các chỉ tiêu trên được sử dụng để đo lường năng lực sẵn có của cơ quan trong việc tổ chức và thực hiện công tác thống kê lĩnh vực được phân công phụ trách. Từ những đánh giá đó sẽ xác định các hoạt động, biện pháp tiếp theo để xây dựng năng lực mới nhằm nâng cao năng lực công tác thống kê của đơn vị.

Kết quả khảo sát khẳng định công tác thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã được sự quan tâm và chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo Bộ; hoạt động thống kê là có định hướng và có kế hoạch. Tuy nhiên do nhiều cán bộ lãnh đạo chưa được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ thống kê nên thiếu sự chỉ đạo chuyên môn sâu sát và cụ thể.

**Sau đây là một số kết luận từ kết quả khảo sát:**

### **1. Khuôn khổ pháp lý thống kê**

Kết quả khảo sát cho thấy có 5/10 đơn vị thuộc Bộ (50%) trả lời cơ quan tổ chức thực hiện công tác thống kê theo luật định, 6/10 đơn vị (60%) trả lời là theo Nghị định của Chính phủ, 8/10 đơn vị (80%) trả lời là theo Quyết định của Bộ, 4/10 đơn vị (40%) thực hiện theo Quy định của cơ quan. Có thể thấy các đơn vị thuộc Bộ thực

hiện công tác thống kê chủ yếu theo các Quyết định của Bộ, số đơn vị thực hiện theo Luật Thống kê không nhiều.

Có 8/10 đơn vị khảo sát (80%) trả lời có văn bản phân công nhiệm vụ thống kê đối với các bộ phận và cán bộ trong đơn vị, và 7/10 đơn vị (70%) có giao trách nhiệm cho một bộ phận hay cán bộ chuyên trách làm đầu mối thống kê tổng hợp số liệu chung cho toàn bộ cơ quan.

Như vậy, về mặt thể chế, Nhà nước đã có khung pháp lý rõ ràng cho hoạt động thống kê, các đơn vị cũng có những văn bản phân công trách nhiệm cụ thể. Tuy nhiên có ý kiến cho rằng bộ máy và nhân sự còn chưa được bố trí tương thích, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thống kê của các tổ chức thống kê như đã được quy định trong Luật và Nghị định.

Mặt khác, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, nhưng việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chưa đầy đủ và chưa sâu rộng nên chưa được thực hiện nghiêm chỉnh đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng của thông tin thống kê. Ở đây cần nhấn mạnh rằng việc tuân thủ theo Luật Thống kê cực kỳ quan trọng nhằm giúp cho số liệu thống kê của Bộ và các sản phẩm thống kê khỏi bị lạm dụng và sử dụng sai mục đích.

Khuôn khổ pháp lý có thể làm tăng năng lực của các tổ chức thống kê liên quan đến cả người cung cấp dữ liệu và người phân tích thống kê. Song hiện nay vẫn còn thiếu những văn bản pháp lý quy định cụ thể việc bắt buộc cung cấp dữ liệu, bảo mật thông tin cá nhân của người cung cấp, cũng như những điều khoản pháp lý về việc thu thập dữ liệu bởi các cơ quan khác và việc thu thập dữ liệu hành chính mà tổ chức thống kê sử dụng để sản xuất số liệu thống kê.

### **2. Nguồn tài chính và nhân lực**

Chất lượng đầu ra và năng lực của các đơn vị

thống kê phụ thuộc rất nhiều vào số lượng và kinh nghiệm của cán bộ, nguồn tài chính và phương tiện làm việc.

Phòng Thống kê của Bộ có 4 cán bộ đều có được bằng cấp tối thiểu để có thể thực hiện công tác thống kê được giao. Tuy nhiên, tính chuyên nghiệp trong các hoạt động thống kê được thể hiện không những ở số cán bộ có bằng cấp cao hoặc có được đào tạo về thống kê hay không mà còn ở thái độ làm việc đúng đắn của họ nhằm giúp những cán bộ này học hỏi được từ những cán bộ khác trong cũng như ngoài bộ phận thống kê và chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm họ đã đạt được từ đào tạo cũng như công việc.

Chức năng thực hiện công tác thống kê của Phòng Thống kê chưa được rõ ràng lắm. Đặc biệt chưa có quy định rõ chức năng phối hợp của bộ phận thống kê và các nhiệm vụ khác nhau có liên quan đến chức năng đó để tổ chức và thực hiện công tác thống kê của Bộ, vì phối hợp là một yếu tố quan trọng nhằm chia sẻ thông tin, ý kiến giúp nâng cao chất lượng hệ thống thống kê của Bộ.

Kết quả khảo sát cho thấy bình quân chung một đơn vị thuộc Bộ có 26 cán bộ trong đó có 1,4 cán bộ được phân công làm công tác thống kê tổng hợp; trong tổng số cán bộ làm công tác thống kê tại đơn vị số người được đào tạo chính quy về thống kê rất ít, chỉ chiếm 7%, số còn lại là không được đào tạo chính quy (chiếm 93%).

Có 7/10 đơn vị (70%) trả lời số cán bộ trên được bố trí làm công tác thống kê ổn định/lâu dài; và 7/10 đơn vị (70%) trả lời số cán bộ làm công tác thống kê của cơ quan đáp ứng được yêu cầu về thu thập và cung cấp thông tin thống kê cho lãnh đạo.

Song việc thiếu những cán bộ tương xứng cộng với sự yếu kém về kỹ năng thống kê đã làm hạn chế rất nhiều toàn bộ quá trình thu thập dữ liệu, phân tích và sản xuất số liệu thống kê. Các đơn vị của Bộ có ít cán bộ được đào tạo chuyên môn thống kê là chưa

đủ thực lực để hoàn thành việc được giao uỷ thác thực hiện công tác thống kê.

Có thể thấy tính chuyên nghiệp trong công tác thống kê không cao, tại nhiều đơn vị cán bộ làm công tác thống kê chỉ là kiêm nhiệm hoặc việc tổ chức công tác thống kê được thực hiện đơn lẻ, tự phát theo các yêu cầu tác nghiệp chưa tuân thủ tính tập trung, hệ thống trong toàn ngành.

Để hoạt động thống kê được duy trì tốt cần phải có ngân sách tương xứng, song trong phiếu khảo sát hầu hết các đơn vị không cho biết ngân sách chi cho các hoạt động thống kê của cơ quan trong năm, điều đó có nghĩa là hầu như các đơn vị không có ngân sách riêng chi cho hoạt động này. Có tới 6/10 đơn vị (60%) trả lời ngân sách này là không đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động thống kê. Điều này chứng tỏ mặc dù Bộ đã có bố trí kinh phí cho hoạt động thống kê song ngân sách này còn hạn chế, đặc biệt là không có đủ nguồn lực cung cấp cho các cấp dưới cấp trung ương và việc này đã gây khó khăn cho công tác thu thập số liệu có chất lượng tốt.

### 3. Trang thiết bị cơ sở hạ tầng

Một môi trường máy tính tương thích là cần thiết để thực hiện các hoạt động thống kê nhằm sản xuất số liệu có chất lượng và kịp thời. Môi trường này bao gồm một hệ thống và hạ tầng máy tính thích hợp, các máy chủ trung tâm đủ công suất, trang thiết bị dự phòng và bảo vệ, và chế độ bảo dưỡng thường xuyên.

Kết quả khảo sát cho biết về số lượng máy vi tính, hầu như mỗi cán bộ trong các đơn vị thuộc cơ quan Bộ đều được trang bị máy tính cá nhân (trung bình mỗi máy tính được trang bị cho 1,2 người). Chỉ có 1 đơn vị trả lời có máy tính trung tâm; 8/10 đơn vị (80%) có kết nối mạng LAN và 100% số đơn vị đều có thể kết nối Internet; 3/10 đơn vị (30%) có Website riêng.

9/10 đơn vị (90%) trả lời các trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng được nhu cầu về mặt

số lượng cho việc thu thập, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin thống kê của cơ quan, song chỉ có 3/10 đơn vị (30%) trả lời các trang thiết bị này là có thể đáp ứng được nhu cầu về mặt chất lượng.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang quản lý một khối lượng thông tin rất lớn, nhưng hầu hết dữ liệu lại phân tán, thiếu tính đồng nhất, không cập nhật liên tục theo chuỗi thời gian, tính ổn định của các chỉ tiêu không cao, không đáp ứng yêu cầu so sánh theo không gian và thời gian, trong nước và quốc tế. Các bảng phân loại, danh mục chưa được chuẩn hoá; việc xây dựng, ban hành tại các đơn vị được tiến hành một cách tự phát, chưa tính đến khả năng tương thích với các bảng danh mục chuẩn quốc gia, quốc tế cũng như khả năng mở rộng theo thực tiễn và yêu cầu của Việt Nam.

Các trang thiết bị công nghệ thông tin kể cả phần cứng và phần mềm đã được cung cấp tương đối đầy đủ, song việc sử dụng chúng đòi hỏi cán bộ phải có kỹ năng và hiểu biết về mặt tin học và công nghệ. Bộ cần có sự đầu tư hơn nữa, nhất là cho các phần mềm thống kê chuyên dụng trong việc quản lý dữ liệu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích thống kê.

#### 4. Hoạt động thu thập và chất lượng số liệu thống kê

Số liệu thống kê của Bộ được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy nhiên điều quan trọng cần biết là nguồn số liệu nào được sử dụng có hiệu quả. Kết

quả khảo sát cho biết có 5/10 đơn vị (50%) trả lời hoạt động thu thập số liệu thống kê của cơ quan được dựa trên các nguồn điều tra; 9/10 đơn vị (90%) trả lời dựa trên các nguồn thống kê hành chính.

Để đo lường chất lượng số liệu, Thống kê Châu Âu đưa ra 6 tiêu chí đánh giá như sau:

(i) Tính thích hợp: Mức độ mà sản phẩm thống kê đáp ứng nhu cầu của người sử dụng trên cả hai phương diện phạm vi và nội dung.

(ii) Tính chính xác: Mức độ gần giữa kết quả ước tính và giá trị thực (không biết).

(iii) Tính kịp thời và đúng thời gian: Tính kịp thời có thể quy tới khoảng thời gian giữa công bố và chu kỳ thu thập số liệu. Đúng thời gian có thể quy cho thời gian khoảng giữa ngày công bố thực tế với ngày công bố theo kế hoạch.

(iv) Sự tiếp cận và rõ ràng: Sự tiếp cận là việc những người sử dụng có thể tiếp cận tới số liệu dễ dàng. Nó cũng liên quan tới định dạng khổ sách mà số liệu có và tính có thể dùng được của các thông tin hỗ trợ. Tính rõ ràng có thể quy tới chất lượng và tính đầy đủ của siêu dữ liệu, minh hoạ và sự chỉ dẫn đi kèm.

(v) Tính so sánh: Mức độ mà số liệu có thể so sánh theo thời gian và phạm vi lĩnh vực.

(vi) Tính chặt chẽ: Mức độ mà số liệu được thu thập từ các nguồn hay các phương pháp khác nhau nhưng có thể quy đến hiện tượng giống nhau, tương tự.

Có 6/10 đơn vị (60%) thực hiện đánh giá chất

**Bảng 1. Đánh giá chất lượng số liệu điều tra thống kê của Bộ**

Tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ ĐV trả lời	Mức độ đánh giá			Tổng điểm BQ
		Không tốt	Tốt	Rất tốt	
Thích hợp	6 (100%)	1 (16,6%)	5 (83,3%)	-	1,8
Chính xác	6 (100%)	2 (33,3%)	4 (66,6%)	-	1,7
Kịp thời	6 (100%)	1 (16,6%)	4 (66,6%)	1 (16,6%)	2,0
Tiếp cận	6 (100%)	1 (16,6%)	5 (83,3%)	-	1,8
So sánh	6 (100%)	1 (16,6%)	5 (83,3%)	-	1,8
Chặt chẽ	6 (100%)	1 (16,6%)	5 (83,3%)	-	1,8

**Bảng 2. Đánh giá chất lượng số liệu thống kê hành chính của Bộ**

Tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ ĐV trả lời	Mức độ đánh giá			Tổng điểm
		Không tốt	Tốt	Rất tốt	
Thích hợp	10 (100%)	3 (30%)	6 (60%)	1 (10%)	1,8
Chính xác	10 (100%)	3 (30%)	7 (70%)	-	1,7
Kịp thời	10 (100%)	4 (40%)	6 (60%)	-	1,6
Tiếp cận	10 (100%)	4 (40%)	6 (60%)	-	1,6
So sánh	10 (100%)	3 (30%)	7 (70%)	-	1,7
Chặt chẽ	10 (100%)	4 (40%)	6 (60%)	-	1,6

lượng số liệu thống kê mà cơ quan có được từ các nguồn điều tra theo các tiêu chí trên và cho điểm từ 1 đến 3 theo thang điểm sau: 1 = không tốt; 2 = tốt; 3 = rất tốt.

Kết quả cho thấy hầu như không có đơn vị nào đánh giá chất lượng các cuộc điều tra là rất tốt mà đa phần chỉ đánh giá ở mức độ tốt.

Tổng điểm bình quân gia quyền theo mỗi tiêu chí chất lượng

$$\left( \frac{\sum_{i=1}^3 x_i \cdot i}{\sum_{i=1}^3 x_i} \right), x_i - \text{số đơn vị cho điểm } i, i = 1, 2 \text{ hoặc } 3$$

được tính để đánh giá chất lượng số liệu theo thang điểm đã cho. Kết quả cho thấy tính kịp thời của số liệu điều tra được đánh giá cao hơn cả (2,0 điểm), điều đó có nghĩa số liệu điều tra mang tính kịp thời song các tiêu chí khác như tính thích hợp, chính xác, tiếp cận, so sánh và chặt chẽ còn chưa tốt.

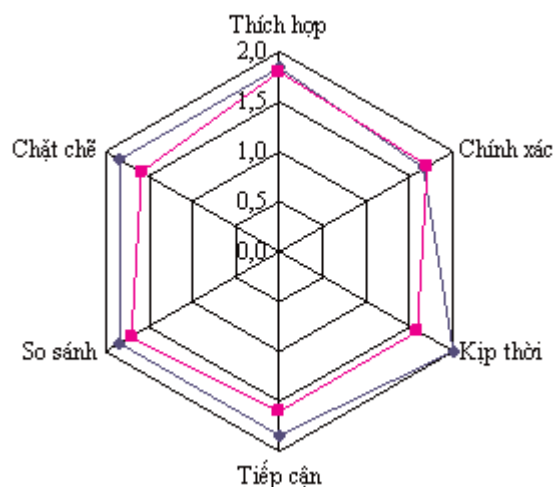
Đối với việc thu thập thông tin từ báo cáo hành chính, các đơn vị hầu như sử dụng cùng một phương pháp, đó là báo cáo từ cơ sở lên đến trung ương. Việc thu thập thông tin cơ bản được tiến hành ở đơn vị cơ sở hay thôn, bản thông qua trưởng thôn hoặc thông qua phương tiện khác. Sau đó cán bộ ở xã thu thập thông tin từ thôn bản rồi tổng hợp và làm báo cáo gửi lên cấp huyện. Cán bộ cấp huyện lại thu thập báo cáo từ cấp xã và từ các kênh thông tin khác trong huyện. Cán bộ thống kê tổng hợp số liệu từ báo cáo và gửi lên cán bộ cấp tỉnh. Cán bộ

cấp tỉnh tổng hợp báo cáo do huyện gửi lên và từ những người cung cấp số liệu khác trong tỉnh làm báo cáo gửi lên cấp trung ương hoặc cho bộ phận thống kê của Bộ.

Có nhiều đơn vị (khoảng 40%) đánh giá chất lượng số liệu từ báo cáo thống kê hành chính là không tốt; hầu hết không có đơn vị nào đánh giá chất lượng số liệu từ báo cáo thống kê hành chính là rất tốt.

Nếu tính theo tổng điểm bình quân, tất cả các tiêu chí đánh giá chất lượng số liệu từ báo cáo thống kê hành chính đều có điểm thấp hơn 2, điều đó có nghĩa rằng chất lượng số liệu thống kê hành chính được đánh giá là chưa tốt.

**Hình 1. So sánh chất lượng số liệu điều tra thống kê với số liệu thống kê hành chính của Bộ**



Hình 1 so sánh tổng điểm bình quân gia quyền của các tiêu chí chất lượng giữa số liệu điều tra và số liệu thống kê hành chính và cho thấy chất lượng số liệu điều tra có phần tốt hơn chất lượng số liệu thống kê hành chính (tổng điểm bình quân của các tiêu chí cao hơn).

Một vấn đề rất đáng lo ngại là độ tin cậy của số liệu thống kê hiện nay. Sau khi thu thập số liệu, các đơn vị đều tiến hành phân tích kết quả điều tra hoặc phân tích số liệu lấy từ báo cáo hành chính. Đồng thời, công tác dự báo số liệu cũng đóng vai trò rất quan trọng. Hầu hết các kết quả phân tích và số liệu dự báo đều bị đánh giá là còn yếu hoặc có chất lượng thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng của số liệu thô hay số liệu gốc. Nếu số liệu bị thiên lệch hoặc được sản xuất ra không tốt hoặc chỉ là số ước tính thì phân tích và dự báo cũng sẽ cho ra kết quả tương tự. Cho dù trong phân tích có dùng từ ngữ hay đến đâu đi nữa hoặc có sử dụng phương pháp hay công thức tính toán vi đến đâu đi nữa để dự báo thì kết quả vẫn sẽ bị thiên lệch hoặc sẽ cho ra các báo cáo sai sự thật. Ngoài ra, chuỗi số liệu theo thời gian dùng cho công tác dự báo còn rất hạn chế hoặc rất ít, số liệu thống kê có tính lịch sử (không cập nhật trong một thời gian dài) không được đưa vào báo cáo hành chính. Vì vậy, nhiệm vụ thống kê được thực hiện nhưng kết quả thì có vẻ còn rất mơ hồ, Nghĩa là chúng ta không biết được liệu số liệu như vậy đã đáp ứng được nhu cầu của người dùng tin hay chưa hoặc số liệu đó có thực sự có ích cho công tác lập kế hoạch và các mục đích khác hay chưa.

Tại cơ quan Bộ vẫn tồn tại tình trạng cát cứ thông tin do đó hệ thống số liệu thống kê được cung cấp từ các đơn vị khác nhau, không đáp ứng được yêu cầu của Tổng cục Thống kê và không tuân theo các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế, việc cung cấp số liệu thiên về tổng hợp và chậm.

Có thể nói hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện cần thiết

khác của hệ thống thống kê của Bộ LĐTBXH từ trung ương tới địa phương cho đến nay chậm được xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ nên việc triển khai các hoạt động đổi mới phương pháp nghiệp vụ thống kê còn thiếu cơ sở và điều kiện thực hiện.

Để khắc phục những hạn chế trên cần thay đổi không những là phương pháp và biểu mẫu thu thập số liệu mà còn thay đổi cả công cụ xử lý và tổng hợp số liệu cũng như khả năng giải quyết của cán bộ thống kê các cấp. Cần bảo đảm rằng những công cụ này được sử dụng trong xử lý và tổng hợp số liệu nghĩa là ít nhất thì cũng phải cung cấp máy tính cầm tay hoặc nâng cấp máy tính đã có ở các xã nếu không thể cấp máy tính mới. Cần tiến hành đào tạo cho cán bộ ít nhất là mỗi năm một lần về thống kê cơ bản, viết báo cáo và tầm quan trọng của số liệu đối với chức năng và nhiệm vụ của đơn vị. Đồng thời phải tính đến việc tăng cường thêm cán bộ thống kê ở các cấp trong một vài năm tới tùy theo ngân sách cần tăng khi tăng số lượng cán bộ.

Thứ nữa, cần đồng bộ hóa công tác thống kê ở tất cả các cấp/kênh thông tin. Cần tránh những hoạt động thống kê không thường xuyên và không biết trước có thể dẫn đến áp lực và chậm trễ trong công tác hàng ngày càng nhiều càng tốt. Cần ưu tiên các hoạt động thống kê trước những hoạt động chưa được đưa vào kế hoạch. Nếu không thể không thực hiện các hoạt động chưa được đưa vào kế hoạch thì cần thuê thêm cán bộ dưới dạng hợp đồng để thực hiện những công việc này. ■

---

#### **Tài liệu tham khảo:**

Đề tài cấp Bộ "Các giải pháp nâng cao năng lực công tác thống kê Lao Động - Thương binh và Xã hội ở các cấp (Bộ, Tỉnh, Huyện, Xã)" năm 2008-2009. Chủ nhiệm đề tài: TS. Phạm Đăng Quyết.